

CÔNG TY CỔ PHẦN BIOIMP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BIOIMP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIOIMP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110793337

3. Ngày thành lập: 24/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 11/307 Nguyễn Xiển, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0818691174

Fax:

Email: bioimpjsc@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (loại trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
2.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
3.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
4.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
5.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
6.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
8.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh thuốc thú y và Nguyên liệu thuốc thú y - Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật - Kinh doanh chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn - Bán buôn phân bón - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn cao su - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669

9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn trang thiết bị y tế. Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác.	4659
11.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
12.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ động vật hoang dã, quý hiếm)	4620
13.	Bán buôn thực phẩm	4632
14.	Bán buôn đồ uống	4633
15.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
16.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
17.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
18.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
19.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu, trừ bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao, trừ bán lẻ tem và tiền kim khí)	4773
20.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719

21.	Giáo dục nhà trẻ	8511
22.	Giáo dục mẫu giáo	8512
23.	Giáo dục tiểu học	8521
24.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
25.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
26.	Đào tạo sơ cấp	8531
27.	Đào tạo trung cấp	8532
28.	Đào tạo cao đẳng	8533
29.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
30.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
31.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);- Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;- Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559(Chính)
32.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
33.	Đại lý du lịch	7911
34.	Điều hành tua du lịch	7912
35.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
36.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
37.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
38.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
39.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
40.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
41.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
42.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
43.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
44.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
45.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
46.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

47.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (trừ hoạt động của phòng thí nghiệm của cảnh sát)	7120
48.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
49.	Trồng cây ăn quả	0121
50.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
51.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
52.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
53.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
54.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
55.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
56.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
57.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
58.	Chăn nuôi gia cầm	0146
59.	Chăn nuôi khác (Không hoạt động tại trụ sở và Trừ loại Nhà nước cấm)	0149
60.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
61.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
62.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
63.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
64.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
65.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
66.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
67.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
68.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
69.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
70.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
71.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
72.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
73.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
74.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
75.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
76.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
77.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
78.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
79.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
80.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
81.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700

82.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
83.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
84.	Tái chế phế liệu	3830
85.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
86.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
87.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
88.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
89.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
90.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
91.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
92.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
93.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
94.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
95.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc	2100
96.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp Chi tiết: Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật - Sản xuất chế phẩm - Sản xuất thuốc diệt nấm, thuốc diệt côn trùng gặm nhấm, - Sản xuất các sản phẩm chống mọc mầm, máy điều chỉnh tốc độ phát triển của cây; - Sản xuất chất tẩy uế (cho nông nghiệp và cho các mục đích sử dụng khác);	2021
97.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa. Môi giới mua bán hàng hóa (trừ đấu giá)	4610
98.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh./	8299
99.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012

6. Vốn điều lệ: 5.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 550.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ MẠNH CƯỜNG	P409 nhà 57B TT Bộ thủy sản, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	192.500	1.925.000.000	35,000	0010790115 72	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	192.500	1.925.000.000	35,000		
2	NGUYỄN THỊ MY	Thôn Thượng Yên, Xã Phú Yên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	192.500	1.925.000.000	35,000	0191790032 42	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	192.500	1.925.000.000	35,000		

3	PHAN HẬU LONG	Số 777 đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	165.000	1.650.000.000	30,000	001078002941
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	165.000	1.650.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ MY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/04/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019179003242

Ngày cấp: 08/11/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Thượng Yên, Xã Phú Yên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Thượng Yên, Xã Phú Yên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội